

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84 /2019/HSPT

Ngày: 17-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Ông Nguyễn Gia lương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 108/TLPT-HS ngày 22 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Mai Đức T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2019/HS-ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Mai Đức T**, sinh năm 1997; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Mai Cao V và con bà Hồ Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/10/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có 01 bị cáo khác, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Đức T là đối tượng nghĩa vụ chiến sỹ Công an nhân dân bị thải hồi thường xuyên sống lang thang. Vào khoảng đầu tháng 9/2018, T đến uống nước tại quán của chị Dương Thị Q, sinh năm 1971 ở Khu B, thị trấn K, huyện L. Trong khi ngồi uống nước, T giới thiệu với chị Q là T mới chuyển công tác từ Hà Nội về và hiện đang làm việc tại phòng PC47 (Phòng cảnh sát ma túy) Công an tỉnh Bắc Giang. Sau khi có được sự tin tưởng của chị Q, T nhiều lần nhờ chị

Q ghi sổ và vay tiền của chị Q với tổng số tiền là 56.000.000 đồng. Trong khoảng thời gian này, do bị nhiều người đòi nợ và cần tiền đánh lô, đề nên ngày 14/9/2018, T lấy lý do cần chuộc Giấy CMCAND để đơn vị kiểm tra và hỏi vay chị Q số tiền 20.000.000 đồng. Do tin tưởng T là cán bộ Công an tỉnh Bắc Giang nên chị Q đồng ý và yêu cầu T viết giấy vay tiền cả nợ cũ và số tiền mới vay là 76.000.000 đồng. Buổi chiều cùng ngày 14/9/2018, T cần tiền để trả nợ nhưng biết chị Q sẽ không cho mình vay tiền nữa nên T đã bàn bạc với bạn của mình là Vương Đức T1 là bạn chơi cùng đến gặp chị Q giới thiệu T1 hiện đang công tác cùng với T ở phòng PC47 Công an tỉnh Bắc Giang, cũng lấy lý do cần chuộc Giấy CMCAND để vay tiền của chị Q. Do tin tưởng T1 là cán bộ Công an tỉnh Bắc Giang nên chị Q đồng ý cho T1 vay số tiền 20.000.000 đồng. Tuy nhiên thực tế chị Q chỉ đưa cho T1 số tiền 18.000.000đ. Sau đó do muốn chị Q tin tưởng là mình có khả năng trả nợ nên T đã trả cho chị Q 8.000.000 đồng.

Ngày 18/9/2018, do không có tiền để trả nợ nên T gọi điện thoại cho chị Q hỏi vay tiền và bảo T1 đến nhà chị Q để lấy. Nhưng do chị Q không có tiền nên giới thiệu T1 gặp chị Ngô Thị Na, sinh năm 1969 ở Khu M, thị trấn K, huyện L để vay tiền. Tại nhà chị Q, T1 nói với chị N là mình đang công tác tại Công an tỉnh Bắc Giang, do làm thâm hụt ngân sách cơ quan, cần tiền để bù vào quỹ nên muốn vay 20.000.000 đồng trong một tháng sẽ trả. Do tin tưởng T1 là công an thật nên chị N đồng ý. Khi vay tiền T1 đã tự viết giấy vay nợ 20.000.000 đồng của chị N và để lại Chứng minh nhân dân của T1 để làm tin.

Ngày 19/9/2018, Do cần tiền chi tiêu cá nhân và trả nợ nên T nhờ chị Q tìm người cho T vay tiền. Chị Q vẫn tin tưởng T là Công an nên đến nói chuyện với chị N về việc T muốn vay tiền nhưng chị N nói không có tiền cho vay. Ngày 20/9/2018, để lấy lòng tin của chị N, T mặc quân phục cảnh sát nhân dân đến nhà chị N hỏi vay tiền. T lấy lý do cần chuộc Giấy CMCAND để vay tiền của chị N. Ngày hôm đó chị N không có tiền nên bảo T đi về khi nào có tiền chị N sẽ cho T vay. Ngày 21/9/2018, T1 và T đến nhà chị Q để gặp chị N, chị N không biết bị T và T1 lừa nên khi T và T1 viết giấy vay tiền, T1 để lại Giấy phép lái xe để làm tin, chị N đã giao cho T1 và T số tiền 47.000.000 đồng. Khi vay tiền, T và T1 tự viết giấy vay số tiền là 50.000.000 đồng. Ngày 25/9/2018, tại nhà chị Q, do nhiều lần đòi nợ T không được nên chị Q yêu cầu T viết giấy vay tiền mới ghi tổng số tiền hiện T đang vay của chị Q là 78.800.000 đồng.

Ngày 26/9/2018, T gọi điện thoại cho chị N bảo chị N sang nhà chị Q để T vay tiền. Tại nhà chị Q, T nói với chị N cho T vay tiền đồng thời T để lại chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sổ hộ khẩu mang tên Mai Cao V (là bố đẻ T) để làm tin. Do tin tưởng T nên chị N đồng ý và cho T vay số tiền 10.800.000 đồng nhưng T viết trong giấy vay nợ là 11.000.000 đồng. Ngày 27/9/2018, T lấy lại giấy tờ và trả cho chị N số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 02/10 và ngày 05/10/2018, khi biết mình bị T và T1 lừa, chị Q và chị N đã có đơn trình báo sự việc đến Công an tỉnh Bắc Giang để giải quyết đồng thời giao nộp các giấy vay tiền do T và T1 viết.

Tại bản kết luận giám định số 1373/KL-KTHS ngày 15/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: “Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết mang tên Mai Đức T trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4 và giấy mực “người làm chứng” tài liệu A5 (trừ chữ viết có nội dung: “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Độc lập tự do hạnh phúc - Giấy vay tiền - Tôi tên là Vương Đức T1 sinh ngày 22/9/1995” và chữ viết dưới mục người làm giấy người làm chứng, tài liệu A4 so với chữ viết của Mai Đức T trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người viết ra.

Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết mang tên Vương Đức T1 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A5, A6 chữ viết có nội dung Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Độc lập tự do hạnh phúc - Giấy vay tiền - Tôi tên là Vương Đức T1 sinh ngày 22/9/1995 và chữ viết dưới mục người làm giấy tài liệu A4 so với chữ viết của Vương Đức T1 trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M6 đến M11 do cùng một người viết ra.”

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2019/HS-ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

- Tuyên bố: Các bị cáo Mai Đức T, Vương Đức T1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Mai Đức T 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/10/2018.

Ngoài ra bản án còn tuyên phạt bị cáo Vương Đức T1 02 năm tù và tuyên xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án theo quy định.

Ngày 24/4/2019, bị cáo Mai Đức T kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Mai Đức T cho rằng sức khỏe bị ốm không trình bày gì, Hội đồng xét xử đọc đơn kháng cáo của bị cáo có nội dung đề nghị giảm mức hình phạt tù vì lý do mức hình phạt quá cao đối với tội danh của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm kết án và tuyên phạt bị cáo 05 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn kháng cáo theo đúng quy định tại Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự nên xác định là kháng cáo hợp pháp, được chấp nhận để xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đề nghị hoãn phiên tòa do buổi sáng không ăn nên sức khỏe bị sốc, đồng chí cảnh sát dẫn giải bị cáo báo cáo khi trích xuất bị cáo đã được kiểm tra sức khỏe, bị cáo bình thường không có biểu hiện gì. Bị cáo chỉ có kháng cáo theo hướng giảm nhẹ, không bị kháng cáo, kháng nghị theo hướng tăng nặng, khi xét xử phúc thẩm không làm bất lợi cho bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận hoãn phiên tòa, tiếp tục xét xử vụ án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo thấy:

+ Về tội danh: Trong tháng 9/2018, tại nhà chị Dương Thị Q, sinh năm 1971 ở Khu B, thị trấn K, huyện L, Mai Đức T và Vương Đức T1 nhiều lần có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Mai Đức T lừa đảo chiếm đoạt của chị Dương Thị Q số tiền 78.800.000 đồng và chiếm đoạt của chị Ngô Thị N số tiền 10.800.000 đồng; Mai Đức T cùng với Vương Đức T1 lừa đảo chiếm đoạt của chị Q số tiền 18.000.000 đồng và chiếm đoạt của chị N số tiền 67.000.000 đồng.

Tổng số tiền Mai Đức T cùng Vương Đức T1 lừa đảo chiếm đoạt được của chị Dương Thị Q và chị Ngô Thị N là 174.600.000 đồng (Trong đó Mai Đức T phải chịu trách nhiệm với số tiền chiếm đoạt là 174.600.000 đồng và Vương Đức T1 chịu trách nhiệm với số tiền chiếm đoạt là 85.000.000 đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với thời gian, địa điểm và vật chứng đã được thu giữ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2019/HS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang kết án bị cáo Mai Đức T và Vương Đức T1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

+ Về hình phạt: Bị cáo Mai Đức T thực hiện hành vi phạm tội với số tiền chiếm đoạt là 174.600.000 đồng, phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội hai lần trở lên”, khung hình phạt từ 02 năm tù đến 07 năm tù tương ứng với số tiền chiếm đoạt từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, bị cáo chưa bồi thường cho bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng khi xét xử sơ thẩm, xem xét phân hóa vai trò của các bị cáo trong vụ án, xem xét các tình tiết của vụ án đã tuyên phạt bị cáo 05 năm tù là tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm

nhẹ mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự;

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Đức T và giữ nguyên bản án sơ thẩm:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015; Xử phạt bị cáo Mai Đức T 05 (Năm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ: 08/10/2018.

[2] Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Bị cáo Mai Đức T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS cấp sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Ngô Quang Dũng